

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17- LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2025/KDTM-ST**
Ngày: 23-7-2025
v/v: Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17- LÂM ĐỒNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Đức Sơn;
- Ông Nguyễn Đức Bình.

-Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Kim Hà- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng: Bà Lê Thị Thanh Tốt- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 17- Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2024/TLST- KDTM, ngày 6/11/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2025/QĐXXST-KDTM ngày 6/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 134/QĐST-KDTM ngày 27/6/2025; giữa:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty TNHH G.**

Địa chỉ: Số B B, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (nay là phường H, tỉnh Lâm Đồng).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn T; chức vụ Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Ngọc P, sinh năm 1956. Có mặt.

Địa chỉ: Số B N, khu phố C, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (nay là phường L, tỉnh Lâm Đồng).

2. *Bị đơn*: Bà **Bùi Thị T1**, sinh năm 1988; Chủ Cửa hàng vật liệu xây dựng G. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số I C, khu phố H, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Dương Tấn N**, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số I C, khu phố H, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 9/9/2024 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo, bản khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn trình bày: Công ty TNHH G có Giấy đăng ký kinh doanh số 3400434568 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp ngày 21/10/2005; có mua bán với bà Bùi Thị T1 là chủ Cửa hàng V ở thị trấn V, có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 48H8000268, do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đ cấp ngày 28/9/2012. Trong hơn 10 năm qua, Cửa hàng V chủ yếu mua xi măng từ công ty TNHH G, hằng tuần ông Phan Ngọc P thay mặt Công ty TNHH G đến Cửa hàng V lấy tiền; việc làm ăn như vậy diễn ra đến khoảng năm 2022- 2023, thì Cửa hàng V không thanh toán tiền mua hàng cho Công Ty TNHH G. Đến ngày 30/3/2024 hai bên chốt lại tiền nợ, thì bà T1 còn nợ Công ty TNHH G số tiền hàng là 567.766.500 đồng. Bà T1 hứa sẽ thanh toán, nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán. Nay Công ty TNHH G yêu cầu bà Bùi Thị T1 và ông Dương Tấn N có trách nhiệm thanh Toán cho Công Ty TNHH G tiền nợ gốc 567.766.500 đồng, Công ty G không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra: 01 Bảng đối chiếu công nợ, có chữ ký của bà Bùi Thị T1.

-Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Bùi Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Tấn N không đến tham gia tố tụng, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T1 và ông N về yêu cầu khởi kiện và chứng cứ của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Phần thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T2 ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến lần thứ hai không có lý do, đề nghị xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Bảng đối chiếu công nợ, thể hiện cửa hàng V có nợ nguyên đơn số tiền 567.766.500 đồng. Theo chứng cứ thì cửa hàng V là hộ kinh doanh chỉ có 01 thành viên, nên buộc bà T1 trả nợ là đúng quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17- Lâm Đồng), theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến lần thứ hai, nhưng họ vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ. Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn xác định địa chỉ của bị đơn là: Số I đường C, khu phố F, thị trấn V; còn theo Công an thị trấn V xác định về thông tin nhân khẩu của bà T1 và ông N trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, thì địa chỉ của bà T1 và ông Nghĩa L: Số I đường C, tổ F, khu phố H, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng).

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa.

Quan hệ được xác lập vào năm 2024, nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Thương mại năm 2005 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu bà Bùi Thị T1, chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Gia T3 và chồng bà T1 là ông Dương Tấn N trả số nợ mua hàng 567.766.500 đồng Hội đồng xét xử nhận định. Bởi theo chứng cứ nguyên đơn đưa ra: Bảng đối chiếu công nợ, được lập ngày 22/4/2024 giữa Công ty TNHH G và chủ Cửa hàng vật liệu xây dựng Gia T3 do bà T1 làm chủ thể hiện: Cửa hàng vật liệu xây dựng còn nợ Công ty TNHH G số tiền mua hàng hóa tính đến ngày 22/4/2024 là 567.766.500 đồng, trong Bảng đối chiếu công nợ này có chữ ký xác nhận của bà Bùi Thị T1. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho bà T1, ông N biết về chứng cứ này, nhưng bà T1, ông N không có khiếu nại, thắc mắc gì. Do vậy, cần buộc bà T1 trả số nợ 567.766.500 đồng cho Công ty TNHH G là phù hợp Điều 24, Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 và Điều 433, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo kết quả trả lời của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đ thì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh, tên bảng hiệu là Gia T3; hộ kinh doanh chỉ có 01 thành viên là một mình bà Bùi Thị T1, nên không buộc ông N chồng bà T1 liên đới trả nợ là phù hợp.

[4]. Về tiền lãi: Công ty TNHH G không yêu cầu bà T1 và ông N trả, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[6] Các đương sự, người đại diện có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 24, 50 Luật Thương mại; Điều 357, 433, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Bùi Thị T1 phải trả cho Công ty TNHH G số tiền là 567.766.500 đồng.

Kể từ Công ty TNHH G có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Bùi Thị T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị T1 phải chịu 26.710.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH G 13.355.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004926, ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17- Lâm Đồng, thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 23/7/2025, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-VKSND KV 17;
-THADS tỉnh Lâm Đồng;
-Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thái